TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **20**/2019/DS-ST
Ngày 21-5-2019
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Anh;

2. Ông Nguyễn Văn Thiện;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 7 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2019/TLST- DS, ngày 25/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐST-DS ngày 22/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐST-DS, ngày 7/5/2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Qũy tín dụng nhân dân ĐK.

Địa chỉ: Số 123 đường ĐH Mê Pu- ĐK, tổ 1, thôn 4, xã ĐK, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Bùi Thị L-Chủ tịch Hội đồng quản trị. Có mặt.

Địa chỉ: Số 11, đường số 40, tổ 1, thôn 9, xã ĐK, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966 và ông Phạm Đăng K, sinh năm 1962. Tại phiên tòa có mặt bà L1, ông K vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Đường ĐH MP- ĐK, tổ 5, thôn 1, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày: Ngày 03/8/2015 bà Nguyễn Thị L1 và ông Phạm Đăng K có vay của Qũy tín dụng nhân dân xã ĐK số tiền100.000.000 đồng. Vay với hình thức tín chấp trả qua lương, thỏa thuận trả hàng tháng, mỗi tháng trả 1.650.000 đồng và tiền lãi tương đương, với mức lãi trong hạn là 1,%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,5%/tháng, thời hạn trả trong 60 tháng. Sau khi vay bà L1 và ông K có trả gốc và lãi đến ngày 16/8/2018, với số tiền gốc là 57.750.000 đồng, lãi trong hạn là 15.007.000 đồng, lãi quá hạn đã trả là 19.394.000 đồng. Hiện bà L1 và ông K còn nợ lại Qũy tín dụng số tiền gốc là 42.250.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính đến 21/5/2019 là 2.472.000 đồng, tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 21/5/2019 là 2.376.000 đồng. Nay Qũy tín dụng yêu cầu bà L1 và ông K có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc cho Qũy tín dụng là 42.250.000 đồng, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn như trên. Đồng thời buộc bà L1 và ông K tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh cho Qũy tín dụng, kể từ ngày 22/5/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc cho Quỹ tín dụng. Bởi vì bà L1 đã cam kết, trong Bản cam kết trả nợ ngày 3/8/2015 như sau: Buộc phải trả hết nợ vay (gốc và lãi) cho Quỹ tín dụng ĐK trước khi nghỉ việc hoặc thuyên chuyển công tác (nếu có); thực tế bà L1 đã nghỉ việc lâu nay nhưng không thanh toán hết nợ cho Quỹ Tín dụng.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra hợp đồng tín dụng, bản cam kết trả nợ, giấy đề nghị vay vốn và các tài liệu, chứng cứ khác.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không tham gia, nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp về

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà L1 và ông K, nhưng không ai có ý kiến phản đối gì.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị L1 thừa nhận có vay số tiền như đại diện nguyên đơn trình bày. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chưa trả nợ cho Quỹ tín dụng được. Nay bà L1 xin trả dần cho Quỹ Tín dụng, theo như hợp đồng ký kết, vì hiện tại gia đình quá khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phạm Đăng K vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt.

[2] Về pháp luật áp dụng: Xét thấy hợp đồng tín dụng giữa Qũy tín dụng nhân dân ĐK với bà Nguyễn Thị L1 và ông Phạm Đăng K có thời hạn từ ngày 03/8/2015 đến ngày 03/8/2020, hợp đồng đang thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 (mức lãi suất trong hạn 1,%/tháng và mức lãi suất quá hạn 1,5%/tháng). Vì vậy áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết là phù hợp.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bà Nguyễn Thị L1 và ông Phạm Đăng K trả số tiền vay và tiền lãi theo thỏa thuận là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Bởi theo Hợp đồng tín dụng do Qũy tín dụng cung cấp, thể hiện: Ngày 03/8/2015 bà Nguyễn Thị L1 đứng tên vay của Qũy tín dụng số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay, lãi suất trong hạn,lãi suất quá hạn như đại diện cho

Qũy tín dụng trình bày là hoàn toàn phù hợp. Sau khi vay bà L1 và ông K có trả gốc và lãi đến ngày 16/8/2018, với số tiền gốc là 57.750.000 đồng, lãi trong hạn là 15.007.000 đồng, lãi quá hạn đã trả là 19.394.000 đồng, từ ngày 16/8/2018 cho đến nay bà L1, ông K không trả thêm cho Quỹ tín dụng khoản tiền nào cả. Tính đến nay, bà L1 ông K còn nợ lại Qũy tín dụng số tiền gốc là 42.250.000 đồng (trong đó nợ gốc trong hạn là 25.750.000 đồng và nợ gốc quá hạn là 16.500.000 đồng). Do bà L1 và ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay, nên Qũy tín dụng khởi kiện bà L1 và ông K trả nợ vay là phù hợp Điều 466 Bộ luật dân sự. Đây là khoản vay phục vụ cho gia đình, nên bà L1 và ông K cùng liên đới trả nợ là phù hợp Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tiền lãi: Mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 1,%/tháng (lãi trong hạn) và 1,5% /tháng (lãi suất nợ quá hạn) là phù hợp Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó buộc bà L1 và ông K phải trả theo yêu cầu của Qũy tín dụng là phù hợp. Qũy tín dụng yêu cầu bà L1 và ông K tiếp tục trả lãi quá hạn trên nợ gốc còn lại, kể từ ngày kế tiếp ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ gốc cho Qũy tín dụng là đúng với Bản cam kết do bà L1 viết ngày 3/8/2015; đồng thời phù hợp với với đoạn 10 trong phần nhận định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao trong Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm Phán phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 689/QĐ- CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Cụ thể: “kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. Đồng thời phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Qua nhận định trên buộc bà L1 và ông K phải trả cho Qũy tín dụng số tiền gốc 42.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.848.000 đồng (lãi trong hạn là 2.472.000đồng, lãi quá hạn là 2.376.000 đồng). Do

bà L1 khi vay cam kết rằng: Sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho Quỹ Tín dụng nếu như nghỉ việc, thực chất bà L1 đã nghỉ việc vào năm 2018. Do đó Quỹ tín dụng yêu cầu bà L1, ông K phải chịu lãi suất quá hạn 1,5%/tháng tính trên nợ gốc 42.250.000 đồng, kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là đúng với nội dung bà L1 đã cam kết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bà L1 và ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, 466, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm Phán phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 689/QĐ- CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị L1 và ông Phạm Đăng K phải trả cho Qũy tín dụng nhân dân ĐK số tiền là 47.090.000 đồng, gồm nợgốc là 42.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 4.848.000 đồng. Tiếp tục trả lãi quá hạn 1,5%/tháng từ ngày kế tiếp ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/5/2019) cho đến khi trả xong số nợ gốc 42.250.000 đồng cho Quỹ tín dụng ĐK.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L1 và ông Phạm Đăng K phải chịu 2.354.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân ĐK số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.175.600 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025211 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 21/5/2019; ông Phạm Đăng K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái